TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU ĐỨC** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 20-10-2022
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hạnh.
2. Bà Võ Lệ Huyền.

-Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 10 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 328/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2022/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1992.
Địa chỉ: Tổ A, thôn B, xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.
Bị đơn: Ông Đỗ Ngọc A, sinh năm 1988.
Địa chỉ: Tổ A, thôn B, xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.
(bà Th, ông A vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th trình bày: Sau khi tìm hiểu nhau được một thời gian thì bà Th và ông Đỗ Ngọc A mới đi đến hôn nhân. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 22-4-2013 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Sơn Bình, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc

đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã, bà Th cũng đã cố gắng nhẫn nhịn để vợ chồng chung sống nhưng vẫn không có kết quả nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Nay, bà Th yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Bà Th xin được ly hôn với ông A.

Về nuôi con chung: Bà Th và ông A có 02 người con chung là Đỗ Anh Q, sinh ngày 17-4-2011 và Đỗ Anh T, sinh ngày 18-12-2014. Bà Th có nguyện vọng nuôi dưỡng 02 người con chung và không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết, bị đơn ông Đỗ Ngọc A, trình bày: Sau khi tìm hiểu nhau được một thời gian thì ông A và bà Th mới đi đến hôn nhân. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 22-4-2013 tại UBND xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng vẫn hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng tính tình không hợp nhau, giữa vợ chồng không có sự tôn trọng nên dần dần tình cảm không còn, vợ chồng ông A cũng đã ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Trong quá trình chung sống ông A, bà Th có 02 người con chung là Đỗ Anh Q, sinh ngày 17-4-2011 và Đỗ Anh T, sinh ngày 18-12-2014. Từ khi vợ chồng ly thân thì 02 người con chung sống với bà Th. Nay, ông A xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên xin thời gian để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

Về nuôi con chung: Giao 02 người con chung Đỗ Anh Q, sinh ngày 17-4-2011 và Đỗ Anh T, sinh ngày 18-12-2014 cho bà Th được quyền nuôi dưỡng; ghi nhận sự tự nguyện của bà Th không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Bà Th và ông A không yêu cầu nên không giải quyết.

Về án phí: Bà Th phải nộp án phí dân sự sơ thẩm (DSST) đối với yêu cầu ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bà Th và ông A sống chung với nhau có đăng ký kết hôn nay bà th yêu cầu ly hôn nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Nơi cư trú của ông A là xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Th vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông A đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai (không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan) nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Th và ông A trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn ngày 22-4-2013 tại UBND xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi vã nhau, giữa vợ chồng không có sự tôn trọng lẫn nhau. Sau khi thụ lý đơn yêu cầu ly hôn của bà Th, Tòa án đã tiến hành hòa giải về quan hệ hôn nhân để vợ chồng tiếp tục chung sống, lo cho con chung; đã giành thời gian để vợ chồng có cơ hội hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không có kết quả. bà th vẫn giữ yêu cầu ly hôn. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa bà Th và ông A ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho bà Th được ly hôn với ông A.

[2.2]. Về nuôi con chung: bà th và ông A có 02 người con chung là Đỗ Anh Q, sinh ngày 17-4-2011 và Đỗ Anh T, sinh ngày 18-12-2014. Bà Th có nguyện vọng được quyền nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con và ông A cũng đồng ý theo nguyện vọng của bà Th. Hiện 02 người con chung của bà th và ông A đã đủ 07 tuổi và cũng có nguyện vọng được sống với bà Th nên thấy sự thỏa thuận này là phù hợp, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình ghi nhận nội dung này.

[2.3]. Về chia tài sản chung, nợ chung: Bà Th và ông A không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[2.4]. Về án phí: Bà Th phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí DSST đối với yêu cầu ly hôn.

[3]. Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức tại phiên tòa về thủ tục tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Th và ông Đỗ Ngọc A.

2. Về nuôi con chung: Bà Th và ông A có 02 người con chung là Đỗ Anh Q, sinh ngày 17-4-2011 và Đỗ Anh T, sinh ngày 18-12-2014;

Giao con chung Đỗ Anh Q, sinh ngày 17-4-2011 và Đỗ Anh T, sinh ngày 18-12-2014 cho bà Nguyễn Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Th không yêu cầu ông Đỗ Ngọc A cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Đỗ Ngọc A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng không ai được quyền cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Th phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí DSST đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008098 ngày 06 tháng 7 năm 2022; bà Nguyễn Thị Th đã nộp xong án phí DSST.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh BR-VT;
-VKSND H.Châu Đức;
-Chi cục THADS H.Châu Đức;
-UBND xã C;
-Các đương sự;
-Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Lê Thị Thanh Nga